

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QLCL-CL1
V/v cập nhật chỉ tiêu quy định của thị trường EU

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU;
- Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng;
- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ/Nam Bộ.

Thời gian vừa qua, EU ban hành và cập nhật một số quy định mới về an toàn thực phẩm: Chỉ thị (EU) số 2020/2184 ngày 16/12/2020 về chất lượng nước dùng cho người, áp dụng từ ngày 13/01/2023; Quy định (EU) số 2022/617 ngày 12/4/2022 sửa đổi quy định số 1881/2006 liên quan đến mức giới hạn tối đa cho phép đối với thủy ngân trong cá; Quy định (EU) số 2022/2388 ngày 07/12/2022 sửa đổi quy định số 1881/2006 liên quan đến mức giới hạn tối đa cho phép của các chất Perfluoroalkyl trong một số loại thực phẩm (có hiệu lực từ 01/01/2023)

(các văn bản tiếng Anh được đăng trên website của Cục tại địa chỉ http://www.nafiqad.gov.vn/danh-sach-cac-quy-dinh-cua-eu_t221c319n6574 và tóm tắt một số nội dung cần lưu ý tại Phụ lục gửi kèm);

Thực hiện quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 41 của Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông báo và đề nghị các doanh nghiệp, đơn vị như sau:

1. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU

- Chủ động nghiên cứu và cập nhật các chỉ tiêu và tần suất kiểm nghiệm theo các quy định mới của EU;

- rà soát, sửa đổi Chương trình quản lý chất lượng theo HACCP và tổ chức triển khai thực hiện trong quá trình sản xuất, chế biến thủy sản tại doanh nghiệp theo đúng quy định của thị trường EU.

- Phối hợp chặt chẽ nhà nhập khẩu để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU.

2. Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng

- Chuyển tiếp văn bản này tới các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào EU trên địa bàn.

- Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp thuộc địa bàn phụ trách tổ chức thực hiện theo các quy định mới nêu trên của EU

- Thực hiện rà soát lại các phương pháp phân tích đảm bảo đáp ứng yêu cầu nêu tại Phụ lục III Chỉ thị (EU) số 2020/2184.

3. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ/Nam Bộ

Tổ chức nghiên cứu và triển khai đánh giá việc thực hiện các quy định mới của EU trong quá trình thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP đối với doanh nghiệp trong Danh sách xuất khẩu vào EU thuộc địa bàn quản lý.

Trong quá trình thực hiện triển khai áp dụng các quy định mới của EU, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Cục để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Hiệp hội VASEP;
- Phòng TTPC&ĐGSPP;
- Lưu: VT, CL1.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Bá Anh

Phụ lục:

Một số nội dung cần lưu ý của các Quy định mới của EU
(kèm theo công văn số : /QLCL-CL1 ngày tháng năm 2023 của Cục
Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

1. Chỉ thị (EU) số 2020/2184 về chất lượng nước dùng cho người, áp dụng từ ngày 13/01/2023

Chỉ thị (EU) số 2020/2184 đã cập nhật một số chỉ tiêu của Chỉ thị số 98/83/EC với một số nội dung thay đổi cụ thể:

- Tiêu chuẩn chất lượng nước đáp ứng các yêu cầu tối thiểu được nêu trong Phần A, B, C và D của Phụ lục I Chỉ thị, cụ thể:
 - + Về Chỉ tiêu vi sinh

Chỉ tiêu	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
cầu khuẩn đường ruột (<i>Intestinal enterococci</i>)	0	số/100 ml	Đối với nước đóng chai hoặc thùng, đơn vị tính là số/250ml.
<i>Escherichia coli</i> (<i>E. coli</i>)	0	số/100 ml	Đối với nước đóng chai hoặc thùng, đơn vị tính là số/250ml.

+ Về chỉ tiêu hóa học: thay đổi một số chỉ tiêu so với Chỉ thị 98/83/EC như Antimon, Bo, Crom, Selen, Chì, Bisphenol A, Chlorate, Chlorite, Haloacetic acids (HAAs), PFAS Total, Sum of PFAS, Uranium.

- Chỉ tiêu cần giám sát theo năm, tần suất, số mẫu giám sát được chia theo nhóm A và nhóm B và theo lượng nước sử dụng mỗi ngày nêu tại Bảng 1 điểm 2 Phần B Phụ lục II:
- Về phương pháp lấy mẫu, điểm lấy nước để giám sát theo quy định tại Phần D Phụ lục II và phương pháp kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục III.

2. Quy định (EU) số 2022/617 ngày 12/4/2022 sửa đổi quy định số 1881/2006 liên quan đến mức giới hạn tối đa cho phép đối với thủy ngân trong cá, cụ thể:

3.3	Mercury (Hg)	Maximum levels (mg/kg wet weight)
3.3.1	Fishery products ⁽²⁶⁾ and muscle meat of fish ⁽²⁴⁾ ⁽²⁵⁾ , excluding species listed in 3.3.2 and 3.3.3. The maximum level for crustaceans applies to muscle meat from appendages and abdomen ⁽⁴⁴⁾ . In case of crabs and crab-like crustaceans (<i>Brachyura</i> and <i>Anomura</i>), it applies to muscle meat from appendages.	0,50
3.3.2	Muscle meat of the following fish ⁽²⁴⁾ ⁽²⁵⁾ : Axillary seabream (<i>Pagellus acarne</i>)	1,0

	<p>Black scabbardfish (<i>Aphanopus carbo</i>)</p> <p>Blackspot seabream (<i>Pagellus bogaraveo</i>)</p> <p>Bonito (<i>Sarda sarda</i>)</p> <p>Common pandora (<i>Pagellus erythrinus</i>)</p> <p>Escolar (<i>Lepidocybium flavobrunneum</i>)</p> <p>Halibut (<i>Hippoglossus species</i>)</p> <p>Kingklip (<i>Genypterus capensis</i>)</p> <p>Marlin (<i>Makaira species</i>)</p> <p>Megrim (<i>Lepidorhombus species</i>)</p> <p>Oilfish (<i>Ruvettus pretiosus</i>)</p> <p>Orange roughy (<i>Hoplostethus atlanticus</i>)</p> <p>Pink cusk-eel (<i>Genypterus blacodes</i>)</p> <p>Pike (<i>Esox species</i>)</p> <p>Plain bonito (<i>Orcynopsis unicolor</i>)</p> <p>Poor cod (<i>Tricopterus species</i>)</p> <p>Red mullet (<i>Mullus barbatus barbatus</i>)</p> <p>Roundnose grenadier (<i>Coryphaenoides rupestris</i>)</p> <p>Sail fish (<i>Istiophorus species</i>)</p> <p>Silver scabbardfish (<i>Lepidopus caudatus</i>)</p> <p>Snake mackerel (<i>Gempylus serpens</i>)</p> <p>Sturgeon (<i>Acipenser species</i>)</p> <p>Surmullet (<i>Mullus surmuletus</i>)</p> <p>Tuna (<i>Thunnus species, Euthynnus species, Katsuwonus pelamis</i>)</p> <p>Shark (all species)</p> <p>Swordfish (<i>Xiphias gladius</i>)</p>	
3.3.3	<p>Cephalopods</p> <p>Marine gastropods</p> <p>Muscle meat of the following fish⁽²⁴⁾⁽²⁵⁾:</p> <p>Anchovy (<i>Engraulis species</i>)</p> <p>Alaska pollock (<i>Theragra chalcogrammus</i>)</p> <p>Atlantic cod (<i>Gadus morhua</i>)</p> <p>Atlantic herring (<i>Clupea harengus</i>)</p> <p>Basa (<i>Pangasius bocourti</i>)</p> <p>Carp (species belonging to the <i>Cyprinidae</i> family)</p> <p>Common dab (<i>Limanda limanda</i>)</p> <p>Mackerel (<i>Scomber species</i>)</p> <p>European flounder (<i>Platichthys flesus</i>)</p> <p>European plaice (<i>Pleuronectes platessa</i>)</p>	0,30

European sprat (<i>Sprattus sprattus</i>)	
Mekong giant catfish (<i>Pangasianodon gigas</i>)	
Pollock (<i>Pollachius pollachius</i>)	
Saithe (<i>Pollachius virens</i>)	
Salmon & Trout (<i>Salmo</i> species and <i>Oncorhynchus</i> species, except <i>Salmo trutta</i>)	
Sardine or Pilchard (<i>Dussumieria</i> species, <i>Sardina</i> species, <i>Sardinella</i> species and <i>Sardinops</i> species)	
Sole (<i>Solea solea</i>)	
Striped catfish (<i>Pangasianodon hypothalamus</i>)	
Whiting (<i>Merlangius merlangus</i>)	

3. Quy định (EU) số 2022/2388 ngày 07/12/2022 sửa đổi quy định số 1881/2006 liên quan đến mức giới hạn tối đa cho phép của các chất Perfluoroalkyl trong một số loại thực phẩm, cụ thể đối với sản phẩm thủy sản và nhuyễn thể hai mảnh vỏ, cụ thể:

Foodstuffs ⁽¹⁾		Maximum Levels µg/kg wet weight				
		PFOS	PFOA	PFNA	PFHxS	Sum of PFOS, PFOA, PFNA and PFHxS
10.2	Fishery products ²⁶ and bivalve molluscs ²⁶					
10.2.1	Fish meat ^{24, 25}					
10.2.1.1	Muscle meat of fish, except those listed under 10.2.1.2 and 10.2.1.3. Muscle meat of fish listed in 10.2.1.2 and 10.2.1.3, in case they are intended for the production of food for infants and young children.	2,0	0,20	0,50	0,20	2,0
10.2.1.2	Muscle meat of the following fish, in case they are not intended for the production of food for infants and young children: Baltic herring (<i>Clupea harengus membras</i>) Bonito (<i>Sarda</i> and <i>Orcynopsis</i> species) Burbot (<i>Lota lota</i>) European sprat (<i>Sprattus sprattus</i>)	7,0	1,0	2,5	0,20	8,0

	<p>Flounder (<i>Platichthys flesus</i> and <i>Glyptocephalus cynoglossus</i>)</p> <p>Grey mullet (<i>Mugil cephalus</i>)</p> <p>Horse mackerel (<i>Trachurus trachurus</i>)</p> <p>Pike (<i>Esox</i> species)</p> <p>Plaice (<i>Pleuronectes</i> and <i>Lepidopsetta</i> species)</p> <p>Sardine and pilchard (<i>Sardina</i> species)</p> <p>Seabass (<i>Dicentrarchus</i> species)</p> <p>Sea catfish (<i>Silurus</i> and <i>Pangasius</i> species)</p> <p>Sea lamprey (<i>Petromyzon marinus</i>)</p> <p>Tench (<i>Tinca tinca</i>)</p> <p>Vendace (<i>Coregonus albula</i> and <i>Coregonus vandesius</i>)</p> <p>Silverly lightfish (<i>Phosichthys argenteus</i>)</p> <p>Wild salmon and wild trout (wild <i>Salmo</i> and <i>Oncorhynchus</i> species)</p> <p>Wolf fish (<i>Anarhichas</i> species)</p>					
10.2.1.3	<p>Muscle meat of the following fish, in case they are not intended for the production of food for infants and young children:</p> <p>Anchovy (<i>Engraulis</i> species)</p> <p>Babel (<i>Barbus barbus</i>)</p> <p>Bream (<i>Abramis</i> species)</p> <p>Char (<i>Salvelinus</i> species)</p> <p>Eel (<i>Anguilla</i> species)</p> <p>Pike-perch (<i>Sander</i> species)</p> <p>Perch (<i>Perca fluviatilis</i>)</p> <p>Roach (<i>Rutilus rutilus</i>)</p> <p>Smelt (<i>Osmerus</i> species)</p> <p>Whitefish (<i>Coregonus</i> species)</p>	35	8,0	8,0	1,5	45
10.2.2	<p>Crustaceans ^{26, 47} and bivalve molluscs ²⁶.</p> <p>For crustaceans the maximum level shall apply to muscle meat from appendages and abdomen ⁴⁴. In case of crabs and crab-like crustaceans (<i>Brachyura</i> and <i>Anomura</i>) muscle meat</p>	3,0	0,70	1,0	1,5	5,0

	from appendages.					
--	------------------	--	--	--	--	--

